**1. BẢNG 1 MÔ TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN GIỮA KỲ I - LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương /**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung / Đơn vị kiến thức**  **(3)** | | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**  **(5) – (12)** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
|  | | | | | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **SỐ VÀ ĐẠI SỐ** | | | | | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1:**  **Số tự nhiên** | ***Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên*** | | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Thông hiểu:***  – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.  – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. |  |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Vận dụng:***  – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp. |  |  |  |  |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  | ***5%*** |
| ***Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên*** | | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  – Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...). |  |  |  |  |  | ***4***  ***2,0 đ*** |  |  | ***20%*** |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính. |  |  |  |  |  |  |  | ***1***  ***1,0đ*** | ***10%*** |
| ***Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung*** | | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.  – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.  – Nhận biết được phân số tối giản. | ***1***  ***0,5đ*** | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  |  | ***10%*** |
| ***Vận dụng:***  – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.  – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.  – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...). |  |  |  |  |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  | ***5%*** |
| ***Vận dụng cao:***  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***HÌNH HỌC TRỰC QUAN*** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Chủ đề 2:**  **Các hình phẳng trong thực tiễn** | ***Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều*** | ***Nhận biết:***  – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | | ***1***  ***0,5 đ*** |  |  |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Thông hiểu:***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). | |  |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Vận dụng***  – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân*** | ***Nhận biết***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. | | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Thông hiểu***  – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...). | |  |  |  | ***1***  ***2,0 đ*** |  |  |  |  | ***20%*** |
| ***Vận dụng***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | | ***4*** | ***2*** | ***2*** | ***1*** |  | ***6*** |  | ***1*** | ***19*** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | | ***20%*** | ***10%*** | ***10%*** | ***20%*** |  | ***30%*** |  | ***10%*** | ***100%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | | ***60%*** | | | | ***40%*** | | | | ***100%*** |

**2. BẢNG 2: MA TRẬN + MÔ TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN GIỮA KỲ I - LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương /**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung / Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**  **(5) – (12)** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
|  | | | | | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **SỐ VÀ ĐẠI SỐ** | | | | | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1:**  **Số tự nhiên** | ***Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. Câu 7.a) | |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Thông hiểu:***  – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. Câu 2 | |  |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Vận dụng:***  – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp. Câu 7.b) | |  |  |  |  |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  | ***5%*** |
| ***Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.Câu 3 | | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. Câu 8.a)  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. Câu 8.b)  – Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. Câu 8.c)  – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. Câu 8.d) | |  |  |  |  |  | ***4***  ***2,0 đ*** |  |  | ***20%*** |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính. Câu 9.1. | |  |  |  |  |  |  |  | ***1***  ***1,0đ*** | ***10%*** |
| ***Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung*** | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. Câu 4  – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. Câu 9.2.a) | | ***1***  ***0,5đ*** | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  |  | ***10%*** |
| ***Vận dụng:***  – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất. Câu 9.2.b) | |  |  |  |  |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  | ***5%*** |
| ***Vận dụng cao:***  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***HÌNH HỌC TRỰC QUAN*** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Chủ đề 2:**  **Các hình phẳng trong thực tiễn** | ***Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều*** | | ***Nhận biết:***  – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. Câu 5 | ***1***  ***0,5 đ*** |  |  |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Thông hiểu:***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). Câu 1 |  |  | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Vận dụng***  – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân*** | | ***Nhận biết***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. Câu 6 | ***1***  ***0,5đ*** |  |  |  |  |  |  |  | ***5%*** |
| ***Thông hiểu***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...). Câu 10 |  |  |  | ***1***  ***2,0 đ*** |  |  |  |  | ***20%*** |
| ***Vận dụng***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | |  | ***4*** | ***2*** | ***2*** | ***1*** |  | ***6*** |  | ***1*** | ***19*** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | ***20%*** | ***10%*** | ***10%*** | ***20%*** |  | ***30%*** |  | ***10%*** | ***100%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | ***60%*** | | | | ***40%*** | | | | ***100%*** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD &ĐT KIM SƠN  **TRƯỜNG THCS ÂN HÒA** | **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA KỲ I**  **Năm học 2021 - 2022**  **MÔN: TOÁN 6**  *(Hướng dẫn chấm gồm 02 trang)* |

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM**

Câu 1: Trong hình vuông có:

1. Hai cạnh đối bằng nhau B. Hai đường chéo bằng nhau

C. Bốn cạnh bằng nhau D. Hai đường chéo vuông góc

Câu 2**:** Các số La mã XI; XIX; XVI được đọc lần lượt là

A. 11; 19; 16 B. 9; 19; 14 C. 11; 21; 14 D. 9; 21; 14

Câu 3: Thứ tự thực hiện phép tính khi biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia là:

1. Nhân và chia trước rồi đến cộng trừ C. Tùy ý
2. Từ trái sang phải Cả A và B đều đúng

Câu 4: số nào sau đây là ước của 45

A.8. B.3. C.. D.18

Câu 5: Hình nào dưới đây là hình vẽ chỉ tam giác đều?

|  |  |
| --- | --- |
| A.  Đề thi giữa kì 1 Toán 6 năm học 2021 - 2022 sách Cánh Diều - Đề 2 | B.  Đề thi giữa kì 1 Toán 6 năm học 2021 - 2022 sách Cánh Diều - Đề 2 |
| C.  Đề thi giữa kì 1 Toán 6 năm học 2021 - 2022 sách Cánh Diều - Đề 2 | D.  Đề thi giữa kì 1 Toán 6 năm học 2021 - 2022 sách Cánh Diều - Đề 2 |

Câu 6: Khẳng định nào sau đây là sai?

A. Hai góc kề 1 đáy của hình thang cân bằng nhau.

B. Trong hình thoi các góc đối không bằng nhau.

C. Hai đường chéo của hình bình hành cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

D. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

**Câu 7:** **(***1,0 điểm***).**

a) Cho tập hợp A =. Hãy viết tập hợp A bằng cách liệt kê các phần tử và cho biết tập hợp A có bao nhiêu phần tử ?

b) Cho A là tập hợp lớn hơn 6 và nhỏ hơn hoặc bằng 13. Điền kí hiệu  hoặc vào ô trống

 ;  ; 

**Câu 8** **:** *(2 điểm)*Thực hiện phép tính

a,  c, 

b,  d, 

**Câu 9:** (*2 điểm)*

1. Trường THCS Ân Hòa tổ chức một cuộc đấu giá gây quỹ ủng hộ phong trào “phòng chống tệ nạn xã hội” lớp 6A đã làm một mô hình đem bán đấu giá với giá khởi điểm là 599000 đồng. Người thứ nhất trả giá 710000 đồng, người thứ hai trả cao hơn giá khởi điểm 231000 đồng, người thứ ba trả cao hơn người thứ hai 49000 đồng, người thứ tư trả cao hơn người thứ ba là 390000 đồng và mua được mô hình đó. Hỏi: Cuối cùng mô hình đó được bán với giá bao nhiêu?

2.a) Các số sau là nguyên tố hay hợp số: 72; 89;111

b) Tìm BCNN của 40 và 48

**Câu 10:** *(2,0 điểm)*Một khoảng sân có dạng hình chữ nhật với chiều dài 9m và chiều rộng 4m. Người ta để một phần của sân để trồng hoa (phần kẻ sọc), phần còn lại lát gạch (phần trắng).

a) Tính diện tích phần sân trồng hoa?

b) Nếu lát phần sân còn lại bằng những viên gạch hình vuông cạnh 60cm thì cần bao nhiêu viên gạch?

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD &ĐT KIM SƠN  **TRƯỜNG THCS ÂN HÒA** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA KỲ I**  **Năm học 2021 - 2022**  **MÔN: TOÁN 6**  *(Hướng dẫn chấm gồm 02 trang)* |

**I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)**

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | D | A | A | B | D | B |

**II.Tự luận (7,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 7. (1,0 điểm)** |  |
| a) -Tập hợp A là A =  -Tập hợp A có 9 phần tử | 0,5 điểm |
| b) Do A là tập hợp số tự nhiên lớn hơn 6 và nhỏ hơn hoặc bằng 13 nên: A =  Vậy: 5A; 7A; 13A. | 0,5 điểm |
| **Câu 8 ( 2,0 điểm)** |  |
|  | 0,25 điểm  0,25điểm |
|  | 0,25điểm  0,25điểm |
|  | 0,25điểm  0,25điểm |
|  | 0,25điểm  0,25điểm |
| **Câu 9** **(2,0điểm)** |  |
| 1.  Vì người thứ hai trả cao hơn giá khởi điểm là 231000 đồng nên người thứ hai đấu giá với mức giá là:  599000 + 231000 = 830000 (đồng)  Vì người thứ ba trả cao hơn người thứ hai 49000 đồng nên người thứ ba đấu giá với mức giá là:  830000 + 49000 = 879000 (đồng) | 0,25 điểm  0,25 điểm |
| Vì người thứ tư trả cao hơn người thứ ba là 390000 đồng và mua được mô hình nên người thứ tư trả với mức giá là:  879000 + 390000 = 1269000 (đồng)  Vậy cuối cùng mô hình đó được mua với giá 1269000 đồng. | 0,5 điểm |
| 2.  a) 72 chia hết cho 2 và lớn hơn 2 nên là hợp số.  111 chia hết cho 3 và lớn hơn 3 nên là hợp số  89 là nguyên tố | 0,5 điểm |
| b) Ta có: 40 = 23. 5  48 = 24 . 3 | 0,25 điểm |
| BCNN(40,48) = 24 .3.5 = 240  Vậy BCNN(40,48) = 240 | 0,25 điểm |
| **Câu 10. (2,0 điểm)** |  |
|  | 0,5điểm |
| a) Diện tích phần trồng hoa là: | 0,5 điểm |
| b) Chiều rộng phần sân lát gạch là:    Diện tích phần lát gạch là: | 0,5điểm |
| Diện tích một viên gạch là:  Cần số viên gạch là: (viên gạch) | 0,5 điểm |

---------Hết---------